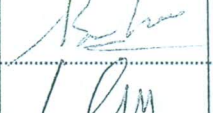
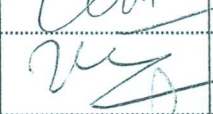
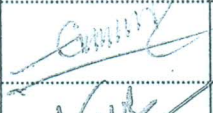
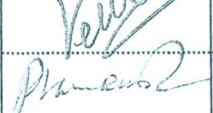
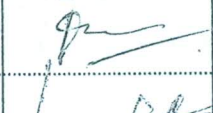
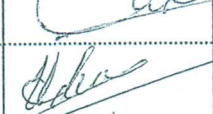
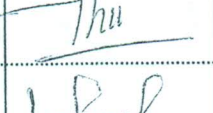
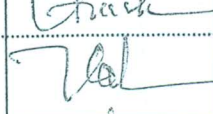
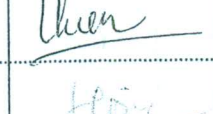
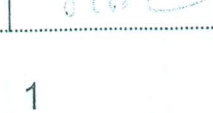


SC TH 115

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K26B, KHÓA HỌC 2018-2019

Thi Phần IV: Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; Thời gian: 180 phút;

Ngày thi: 12 tháng 03 năm 2019; Phòng thi số: 06

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
1	Đinh Tuấn Anh	21/6/1969	2		34	775	Bảy, bảy năm
2	Trịnh Ngọc Bình	10/4/1976	2		69	75	Bảy, năm
3	Dương Trọng Chinh	06/3/1968	2		54	725	Bảy, hai năm
4	Nguyễn Thị Cậy	09/02/1975	02		34	80	Tám
5	Nguyễn Văn Công	03/11/1977	02		57	725	Bảy, hai năm
6	Hoàng Văn Cương	19/05/1983	02		22	725	Bảy, hai năm
7	Phạm Văn Đệ	18/02/1971	02		56	725	Bảy, hai năm
8	Nông Doãn Du	04/4/1979	01		75	675	Sáu, bảy năm
9	Hà Văn Dũng	23/02/1971	02		78	70	Bảy
10	Nguyễn Tiến Dũng	30/11/1971	01		8	75	Bảy, năm
11	Nguyễn Văn Dũng	09/4/1979	02		46	775	Bảy, bảy năm
12	Ngô Hoàng Hà	10/5/1981	02		62	725	Bảy, hai năm
13	Phạm Thị Hà	12/08/1980	02		7	75	Bảy, năm
14	Nguyễn Hữu Hải	10/01/1977	02		4	725	Bảy, hai năm
15	Nguyễn Thị Hằng	14/01/1979	02		18	725	Bảy, hai năm
16	Phạm Thu Hằng	12/5/1985	02		23	70	Bảy
17	Phan Thị Hiền	14/9/1988	05		60	775	Bảy, bảy năm
18	Phạm Thị Hoài	20/8/1975	02		20	75	Bảy, năm

Sbd	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
19	Hoàng Văn	Hiệp	03/5/1970	02		58	7.25	Bảy, hai năm
20	Huỳnh Thị	Hiếu	15/6/1985	02		39	8.0	Tám
21	Phùng Văn	Hiếu	12/3/1979	02		52	7.25	Bảy, hai năm
22	Phạm Ngọc	Hoàng	29/01/1983	03		44	7.5	Bảy năm
23	Vi Thị	Hội	25/02/1979	02		28	7.5	Bảy năm
24	Bùi Quốc	Hùng	12/12/1973	02		3	7.0	Bảy
25	Trần Mạnh	Hùng	18/6/1976	02		13	7.25	Bảy, hai năm
26	Dương Quang	Hùng	04/04/1973	02		15	7.0	Bảy
27	Nguyễn Thị	Hương	28/12/1975	02		30	7.5	Bảy năm
28	Trần Thị Thanh	Hương	01/6/1985	03		21	7.75	Bảy, bảy năm
29	Hà Ngọc	Hương	11/10/1978	02		32	7.25	Bảy, hai năm
30	Hoàng Công	Huy	17/02/1977	02		80	7.5	Bảy năm
31	Nguyễn Sỹ	Huy	11/10/1972	02		29	7.25	Bảy, hai năm
32	H Yim Niê	Kdăm	11/07/1968	02		59	7.25	Bảy, hai năm
33	Y Luom	Knul	24/4/1969	02		51	7.25	Bảy, hai năm
34	Hồ Thị Tuyết	Lan	17/5/1974	02		16	7.0	Bảy
35	Nguyễn Thị	Lan	18/5/1983	02		27	8.0	Tám
36	Sáo Kim	Lào	03/09/1987	02		38	7.75	Bảy, bảy năm
37	Đỗ Thị	Loan	20/4/1983	03		25	8.0	Tám
38	Lâm Vĩnh	Lợi	29/04/1966	02		55	7.75	Bảy, bảy năm
39	Nguyễn Duy	Lợi	30/8/1968	02		37	7.5	Bảy năm
40	Phạm Thị	Ly	01/4/1974	02		76	7.5	Bảy năm
41	Huỳnh Tấn	Minh	20/3/1970	02		35	7.0	Bảy
42	Nguyễn Văn	Nam	07/7/1984	01		73	6.75	Sáu, bảy năm
43	Võ Thị Ánh	Nga	06/08/1971	02		26	7.0	Bảy

	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
44	Lê Văn	Ngân	28/8/1964	02		12	7.25	Bảy, hai năm
45	Bùi Thị	Ngư	06/3/1973	02		10	7.75	Bảy, bảy năm
46	Vũ Thị Thanh	Nhàn	09/04/1975	01		79	6.5	Sáu, năm
47	Vũ Thị	Nhung	03/12/1972	12		24	7.25	Bảy, hai năm
48	H Trang	Niê	31/7/1984	02		18	7.75	Bảy, bảy năm
49	Y Drao	Niê	05/9/1972	02		33	7.25	Bảy, hai năm
50	Y Won	Niê	25/12/1980	02		43	7.25	Bảy, hai năm
51	Trương Bá	Phi	11/12/1965	02		64	7.25	Bảy, hai năm
52	Niê Thanh	Phương	06/9/1985	02		47	7.5	Bảy, năm
53	Bùi Văn	Quảng	13/03/1968	02		61	7.25	Bảy, hai năm
54	Hồ Sĩ	Quý	06/02/1974	02		17	7.25	Bảy, hai năm
55	Phan Công	Quyến	01/5/1979	02		77	7.25	Bảy, hai năm
56	Trần Điệp	Son	15/9/1982	02		9	7.0	Bảy
57	Lê Xuân	Tân	16/10/1969	02		53	7.25	Bảy, hai năm
58	Phạm Văn	Thanh	31/5/1967	02		63	7.25	Bảy, hai năm
59	Ngô Văn	Thành	29/8/1975	03		15	6.25	Sáu, hai năm
60	Hoàng Thị Bích	Thảo	28/02/1982	02		68	8.0	Tám
61	Nguyễn Thị Hương	Thảo	06/5/1981	02		19	7.5	Bảy, năm
62	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/11/1978	03		5	7.75	Bảy, bảy năm
63	Phạm Phong	Thu	13/10/1987	02		14	8.5	Tám, năm
64	Nguyễn Thị	Thư	02/02/1976	02		6	7.25	Bảy, hai năm
65	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	13/12/1981	02		12	7.75	Bảy, bảy năm
66	Hoàng Bá	Tôn	10/02/1983	02		2	7.0	Bảy
67	Nguyễn Thị Thanh	Trà	19/12/1969	02		74	7.5	Bảy, năm
68	Đỗ Đình	Trọng	18/02/1984	04		72	7.0	Bảy

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
69	Nguyễn Văn Trung	20/6/1977	03	<i>[Signature]</i>	50	75	bảy, bảy năm
70	Phan Duy Trung	15/10/1982	02	<i>[Signature]</i>	10	70	bảy
71	Trần Vĩnh Trung	23/8/1980	03	<i>[Signature]</i>	19	75	bảy, năm
72	Lê Quang Trường	01/02/1974	03	<i>[Signature]</i>	11	75	bảy, năm
73	Nguyễn Thanh Tú	20/7/1984	02	<i>[Signature]</i>	71	75	bảy, năm
74	Kiều Thanh Tuấn	19/6/1979	02	<i>[Signature]</i>	41	75	bảy, bảy năm
75	Nguyễn Quốc Tuấn	10/10/1978	02	<i>[Signature]</i>	70	85	tám, hai năm
76	Nguyễn Chon Ủy	05/02/1965	02	<i>[Signature]</i>	65	75	bảy, hai năm
77	Nguyễn Văn Uýt	20/12/1973	02	<i>[Signature]</i>	66	75	bảy, năm
78	Hoàng Danh Văn	05/01/1981	03	<i>[Signature]</i>	1	75	bảy, năm
79	Trần Thị Vân	10/7/1982	02	<i>[Signature]</i>	67	75	bảy, bảy năm
80	Trần Quốc Việt	09/9/1975	02	<i>[Signature]</i>	36	75	bảy, năm

Tổng số: 16 tờ 80 bài

GIÁM THỊ 01

[Signature]

Nguyễn Thị Văn Lan

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

GIÁM THỊ 02

[Signature]

Đoàn Thị Mai

Ngày 18 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

[Signature]
Nguyễn Văn Cường

[Signature]
Đoàn Thị Mai

BAN GIÁM HIỆU



TS. Đỗ Văn Cường

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

[Signature]

Ngô Hoài Thu

TRƯỞNG KHOA

[Signature]
Lương Hữu Nam